

Quảng Hòa, ngày 14 tháng 12 năm 2023

Số: 78/2023/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 111/2023/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: **Trần Thị H** - Sinh năm 1983

- Bị đơn: **Hoàng Cao H1** - Sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: **Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.**

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. **Ngân hàng N**. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V** – chức vụ Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh Quang H2** – chức vụ Giám đốc **Ngân hàng N Chi nhánh N1, tỉnh Cao Bằng** ủy quyền cho ông **Hoàng Minh C** – chức vụ Phó trưởng phòng kinh doanh tham gia tố tụng. Địa chỉ: **thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.**

2. **Ngân hàng C1**. Người đại diện theo pháp luật: **Dương Quyết T** – chức vụ Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: ông **Đinh Phan T1** – chức vụ Giám đốc **Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C1**, ủy quyền cho bà **Đặng Thị Ngọc L** – chức vụ Phó giám đốc tham gia tố tụng. Địa chỉ: **thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng**

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 12 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận

đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Trần Thị H** và anh **Hoàng Cao H1**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị **Trần Thị H** và anh **Hoàng Cao H1** thuận tình ly hôn. Giấy đăng ký kết hôn số 20/01 ngày 19 tháng 9 năm 2014 đăng ký tại **UBND thị trấn T** không còn giá trị pháp lý khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung*: Hai vợ chồng không có con chung.

- *Về tài sản chung*: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Có nợ **Ngân hàng A** 110.000.000,đ (Một trăm mười triệu đồng) và **Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C1** 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng). Các bên đương sự (nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) nhất trí với **B** tự thỏa thuận về việc phân chia nghĩa vụ trả nợ ngày 01/12/2023 của chị **H**, anh **H1** với nội dung khi ly hôn, anh **H1** có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng) cho **Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C1**, 110.000.000,đ (Một trăm mười triệu đồng) cho **Ngân hàng A** và đề nghị Tòa án ghi nhận trong quyết định để làm căn cứ thực hiện.

- *Về án phí*: Chị **Trần Thị H** và anh **Hoàng Cao H1** mỗi người chịu 75.000,đ (Bảy mươi năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị **H** tự nguyện nộp thay phần anh **H1**. Tổng cộng chị **H** nộp án phí số tiền là 150.000,đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng theo biên lai số 0002310 ngày 20/11/2023. Chị **Trần Thị H** được trả lại số tiền 150.000,đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án, VKS tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND thị trấn Tà Lùng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nông Thanh Diệp**